

TƯƠNG LAI HOÀN THÀNH TIẾP DIỄN

CÔNG THỨC

Dạng câu	Cấu trúc
Khẳng định	S+will+have+been+V-ing+O+...
Phủ định	S+will+not+have+been+V-ing+O+... (viết tắt: won't+have+been+V-ing)
Câu hỏi Yes-No	Will+S+have+been+V-ing+O+...?
	Yes,S+will./No,S+won't.
Câu hỏi Wh-	What/Where/When/Why/How+will+S+have+been+V-ing+O+...?
Câu hỏi Wh- với từ hỏi làm chủ ngữ	Who/What+will+have+been+V-ing+O+...?

CÁCH DÙNG

Nhấn mạnh tính liên tục của một hành động sẽ diễn ra cho đến một thời điểm xác định trong tương lai. Hành động này bắt đầu trong quá khứ hoặc hiện tại, kéo dài liên tục và vẫn đang tiếp diễn (hoặc vừa mới kết thúc) tại mốc thời gian đó.

Ví dụ: "By 5 PM, I will have been writing this report for three hours."

Điển tả nguyên nhân hoặc bằng chứng của một hành động trong tương lai. Hành động liên tục ở tương lai là nguyên nhân dẫn đến một kết quả khác.

Ví dụ: "When he finally takes a break, he will be tired because he will have been driving all day."

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

Thường đi kèm các cụm từ chỉ thời gian, đặc biệt là những cụm từ kết hợp cả "By + mốc thời gian" và "for + khoảng thời gian" để nhấn mạnh độ dài:

- By + mốc thời gian trong tương lai + for + khoảng thời gian

- Ví dụ: By the end of this month, I will have been working here for 5 years.
- **For + khoảng thời gian + by + mốc thời gian trong tương lai**
 - Ví dụ: For two weeks, they will have been travelling by the time they arrive in London.

BÀI TẬP

Bài tập 1: Chia động từ ở thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn

Chia động từ trong ngoặc ở thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn (will + have + been + V-ing).

1. By the time we finish this course, we _____ (study) English for six months.
2. Next year, she _____ (teach) at this school for 20 years.
3. They _____ (not wait) long when the train finally arrives.
4. By the weekend, he _____ (build) model airplanes for 8 hours in total.
5. If it continues, the temperature _____ (rise) steadily for 10 days by Monday.
6. How long _____ (you/live) in Ho Chi Minh City by the time you move?
7. The chef _____ (cook) dinner for three hours when the guests show up.
8. I _____ (not jog) for 5 miles by the time the sun sets.
9. When he retires, he _____ (work) in the same company for nearly 40 years.
10. By midnight, the children _____ (sleep) for 6 hours.

Bài tập 2: Phân biệt Tương lai hoàn thành (FPC) và Tương lai hoàn thành tiếp diễn (FPC)

Chia động từ trong ngoặc ở **Tương lai hoàn thành (FP)** hoặc **Tương lai hoàn thành tiếp diễn (FPC)**.

1. By 2028, my sister _____ (write) 5 books. (Nhấn mạnh kết quả)
2. By 2028, my sister _____ (write) books for 10 years. (Nhấn mạnh quá trình)
3. When the school year ends, we _____ (learn) this subject for nine months.
4. The mechanic _____ (repair) your car by 6 PM tonight. (Nhấn mạnh sự hoàn tất)
5. When the clock strikes 12, they _____ (talk) on the phone for exactly four hours.

6. By next week, the construction crew _____ (lay) the foundation.
(Nhấn mạnh kết quả)
7. How long _____ (you/wait) for the flight when it finally takes off? (Nhấn mạnh quá trình)
8. I _____ (earn) enough money to buy the motorbike by the time I graduate. (Nhấn mạnh kết quả)